

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 336/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Thành Đ - sinh năm 1966.

Địa chỉ: SN B đường L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: SN B đường L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Văn T - Là Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số E phố M, phường V, Quận H, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1939 và bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1944.

Cùng địa chỉ: E – 2C3 -10 Tòa E – Khu chung cư và thương mại dịch vụ hỗn hợp C – H, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà T1: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1974. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2023)

Địa chỉ: SN E L, phố A phường Q, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Thành Đ và bà Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Đ, bà N có 02 con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 21/10/1995 và Phạm Ngọc Á, sinh ngày 04/11/2000. Các cháu đã thành niên, ông Đ bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Đ, bà N thống nhất rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, ông bà tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất việc ông Đ, bà N rút yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình đối với phần tài sản chung của ông Đ, bà N.

- Về án phí: Ông Đ chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0003119 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Ông Đ được nhận lại 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 11.000.000đ án phí dân sự chia tài sản, tổng số tiền ông Đ được nhận lại là 11.150.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Trả lại cho bà N 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0003224 ngày 25/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nga